

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/11/2018

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiên

2. Bà Huỳnh Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018, về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 839/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Truyền Ngọc Bảo T - sinh năm 1993; địa chỉ Đường C, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư, Đặng Thị Bạch L - Văn phòng Luật sư Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Anh Văn Minh T - sinh năm 1985; địa chỉ Đường C, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/8/2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Truyền Ngọc Bảo T trình bày:

Chị và anh Văn Minh T qua quen biết một thời gian rồi đi đến kết hôn, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố V. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau và anh T không quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con; gia đình chồng thường xuyên xúc phạm danh dự chị T; ngược lại anh T cũng có lời lẽ xúc phạm đến cha mẹ vợ, vợ chồng đã ly thân trên 03 tháng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể tồn tại được, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một con chung tên Văn Minh Q, sinh ngày 06/10/2016, chị T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị T rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm: Hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Vĩnh Long, sau khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con thường đi sớm về muộn, anh T và gia đình anh T xúc phạm đến chị T, từ đó chị T không còn sống chung nữa và ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh T, chị T không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Đối với con chung, do anh T và chị T tự thỏa thuận là giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng là phù hợp pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung, chị T xin rút lại yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị T.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/10/2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Văn Minh T thừa nhận lời trình bày về hôn nhân của chị T là đúng, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chưa cho chị T nhập hộ khẩu, dẫn đến chị T hỗn hào, xúc phạm với cha mẹ chồng; chị T không quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái; tuy nhiên anh T cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được, vì hiện nay anh đã sửa chữa quan tâm, chăm sóc gia đình hơn, nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung, anh T đồng ý giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn và nuôi con đối với bị đơn có địa chỉ tại thành phố Vĩnh Long; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về “Ly hôn và nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Truyền Ngọc Bảo T, Hội đồng xét xử thấy: Chị và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2015 nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc người nào người đó làm, không quan tâm lẫn nhau, vợ chồng

không tôn trọng và xúc phạm lẫn nhau, dần dần mất lòng tin lẫn nhau, vả lại, vợ chồng đã có thời gian ly thân trên 03 tháng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T có một con chung tên Văn Minh Q, sinh ngày 06/10/2016. Tại phiên tòa sơ thẩm anh T và chị T thỏa thuận giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh T, chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa sơ thẩm chị Truyền Ngọc Bảo T xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị T là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung: Chị Truyền Ngọc Bảo T và anh Văn Minh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T và anh T mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 244 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội **quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.**

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Truyền Ngọc Bảo T. Chị T **được ly hôn với anh Văn Minh T.**

2. *Về con chung:* Giao con chung tên **Văn Minh Q, sinh ngày 06/10/2016 cho chị Truyền Ngọc Bảo T nuôi dưỡng; anh Văn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), cho đến khi con đủ 18 tuổi.**

Anh Văn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp **anh T** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con **của người anh T.**

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Truyền Ngọc Bảo T về việc chia tài sản chung. Chị T được quyền khởi kiện lại để yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. *Về nợ chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. *Về án phí*:

Buộc chị Truyền Ngọc Bảo T và anh Văn Minh T mỗi người chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền 1.011.000đ (Một triệu không trăm mười một ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai tu số 0003987, ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V, số tiền còn lại 711.000đ (Bảy trăm mười một ngàn đồng) hoàn trả lại cho chị T.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Ủy ban nhân dân Phường M,
TP. Vĩnh Long;
- Lưu: VT,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tấn Thành